

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1982; ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Hiện trú tại: thôn T, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- **Bị đơn:** Anh **Đào Văn D**, sinh năm 1980; ĐKKHKT và nơi cư: Thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- **Người làm chứng:**

+ Anh Đào Văn T, sinh năm 2001; Địa chỉ: H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

+ Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Đều trú tại: thôn T, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

(Chị H vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh D vắng mặt lần 2 không có lý do, vắng mặt những người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Đào Văn D kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 23/8/2000. Sau khi kết

hôn, vợ chồng sinh sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà của vợ chồng đi trả nợ, từ đó vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, không còn quan tâm gì đến nhau. Năm 2015, anh D vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 36 tháng tù về tội Đánh bạc, năm 2018 chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống nhưng anh D vẫn không thay đổi, vẫn chơi bời, không tu chí làm ăn. Do kinh tế khó khăn, năm 2019 chị đi xuất khẩu lao động kiếm tiền trả nợ, nhưng anh D ở nhà không chăm lo gia đình, bị Ngân hàng phát mãi tài sản là nhà đất của vợ chồng để thu hồi nợ. Năm 2021, vợ chồng phải bán nhà trả nợ ngân hàng, anh D và con phải về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Văn T, sinh năm 2001 và Đào Vũ C, sinh ngày 23/02/2008. Cháu T đã trưởng thành có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu C đang ở với bố, trường hợp Tòa án chấp nhận đơn của chị cho ly hôn, cháu C muốn ở với ai là quyền lựa chọn của cháu, trường hợp xin ở với chị, chị sẽ nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm lao động tự do, mức thu nhập khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng, chị đang ở nhờ nhà bố mẹ có phòng riêng để sinh hoạt. Trường hợp cháu C ở với anh D, chị xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh D theo tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đào Văn D trình bày:*

+ Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị ở riêng tại thôn H, xã H, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H sống không chung thủy, có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác (chị H cũng thừa nhận không chung thủy). Tuy nhiên lúc đó anh nghĩ cho gia đình, muốn các con có bố mẹ nên anh đã bỏ qua tất cả. Năm 2020, chị H đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, kể từ đó mà vợ chồng ít liên lạc với nhau, chị về nước anh cũng không biết, gần đây thì không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý và không ký biên bản lấy lời khai.

+ Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có hai con chung như chị H đã trình bày là đúng, cháu Đào Văn T đã trưởng thành, cháu Đào Vũ C được anh nuôi dưỡng từ khi chị H đi xuất khẩu lao động đến nay. Do anh không đồng ý ly

hôn nên anh cũng không thể hiện quan điểm về nuôi con, hiện anh làm lao động tự do ở TP Hải Phòng, do không đồng ý ly hôn nên anh cũng không cung cấp mức thu nhập của anh.

+ Về tài sản chung, công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người làm chứng anh Đào Văn T (con của anh D, chị H) cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn của bố mẹ anh như mẹ anh đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, bố mẹ anh có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, bố anh chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, năm 2015 bố anh bị Tòa án xử về tội đánh bạc, mẹ anh phải đi xuất khẩu lao động lấy tiền trả nợ, sau đó bố mẹ anh phải bán nhà, bố anh phải về ở với bà nội, mẹ anh sau khi đi xuất khẩu lao động về cũng không về chung sống cùng với bố anh nữa mà ly thân đến nay. Hiện bố anh đang làm công nhân, mức thu nhập như thế nào anh không nắm được.

- Người làm chứng ông Vũ Văn T1 và bà Nguyễn Thị H (bố mẹ đẻ chị H) cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh D, chị H như anh chị đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị ra ở riêng, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh D chơi cờ bạc dẫn đến bị kết án phải đi cải tạo, sau khi về anh ấy vẫn không thay đổi, chứng nào tật nấy, vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi vã. Sau đó chị H đi xuất khẩu lao động, anh D ở nhà nhưng không chăm lo được cho gia đình, dẫn đến phải bán nhà đất trả nợ. Chị H về nước nhưng vợ chồng không đoàn tụ mà ly thân từ đó đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh D, do anh chị đã mâu thuẫn nhiều năm, không thể hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh D để hai bên ổn định cuộc sống.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã H, đại diện cán bộ lao động thương binh xã hội, hội phụ nữ xã H và Trưởng thôn H đều được cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn của anh chị đúng như các đương sự đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ anh D một thời gian thì ra ở riêng. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, anh D chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, đã bị xử lý hình sự về tội đánh bạc, sau khi chấp hành án xong, anh D về địa phương sinh sống, kinh tế gia đình không cải thiện, anh chị đã phải bán nhà đi trả nợ, vợ chồng sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có hai con chung như các đương sự trình bày là đúng, cháu Tuấn đã trưởng thành, cháu C đang ở với anh D và ông bà nội, được chăm sóc và phát triển tốt. Trường hợp anh chị phải ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và con chung. Hiện nay anh D là lao động tự do, thu nhập hàng tháng của anh ấy như thế nào địa phương không nắm được.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cho anh Đào Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Vũ C. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh D theo tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2024 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết. Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn xin xử vắng mặt, anh Đào Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Đào Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ vào ngày 23/08/2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2007-2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H xác định anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, thậm chí còn bị xử lý về hình sự, vì nợ nần nhiều nên đã phải bán nhà đất của vợ chồng đi ở nhờ, còn theo anh D thì nguyên nhân là do chị H không chung thủy có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Từ năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của anh D và đại diện các đoàn thể, chính quyền địa phương xã H, người làm chứng, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vợ chồng chị H, anh D đã có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau, chính vì vậy mà vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã. Mặc dù nguyện vọng của anh D không đồng ý ly hôn,

nhưng thực tế từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, anh D cũng không có giải pháp nào dàn xếp chuyện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Văn T, sinh năm 2001 và Đào Vũ C, sinh ngày 23/02/2008, cháu Tuấn đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết, đối với cháu C hiện đang ở với anh D và ông bà nội. Xét ý kiến của chị H anh D và nguyện vọng của cháu C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với cháu Đào Vũ C đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Anh D làm lao động tự do, có nhu nhập, chính quyền địa phương cũng xác định từ lúc chị H đi xuất khẩu lao động, cháu C ở với anh D, phát triển tốt cả về thể lực và trí lực. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, HĐXX giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đào Vũ C, sinh ngày 23/02/2008 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mặc dù anh D không thể hiện ý kiến, quan điểm về nuôi con cũng như vấn đề cấp dưỡng, tuy nhiên xét điều kiện kinh tế hiện nay của anh D cũng khó khăn, đi làm lao động tự do. Chị H có nguyện vọng muốn cấp dưỡng nuôi con, vì vậy, để giảm gánh nặng cho anh D và đảm bảo quyền lợi cho cháu C tốt hơn, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con cùng với anh D theo tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2024 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, công nợ: chị H, anh D đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Đào Văn D.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Văn D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đào Vũ C, sinh ngày 23/02/2008 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh D theo tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004927 ngày 11/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân